

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-ST

Ngày: 11/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân.

2. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ Phần P.

Địa chỉ: Số 41-45 đường L, phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Minh C, Chức vụ: Chuyên viên.

Địa chỉ: Số 41-45 đường L, phường B, quận 1, thành phố H.

(Theo văn bản ủy quyền số: 116/UQ-OCP ngày 04/5/2019).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1983;

2. Chị Ngô Thị Thùy Tr, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T.

Chị C có đơn xin vắng mặt, anh N, chị Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Minh C đại diện cho Công ty Thương Mại cổ Phần P (gọi tắt là Công ty) trình bày:

Ngày 26/7/2017, anh N và chị Tr có ký hợp đồng tín dụng số 0421/2017/HĐTD-CN với Công ty vay số tiền 850.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,99%/năm trong vòng 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi thì áp dụng lãi suất là lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất (tối thiểu 3,7%/năm : 360 x 365).

Tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, số khung 3HSDJSJR2DN201135, số máy 125HM2Y4150567, biển số 63C-103.88 thuộc quyền sở hữu của anh N với chị Tr.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh N với chị Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện thì anh N, chị Tr có trả thêm vốn, lãi, hiện dư nợ của hợp đồng tín dụng số 0421/2017/HĐTD-CN ngày 26/7/2017 tính đến ngày 09/10/2019 gồm: Nợ gốc 509.672.669 đồng, nợ lãi 10.445.984 đồng. Nay Công ty yêu cầu anh N, chị Tr trả ngay số tiền gốc 509.672.669 đồng, nợ lãi 10.445.984 đồng tạm tính đến ngày 09/10/2019. Nếu anh N, chị Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế, kể cả kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của anh N và chị Tr để thu hồi nợ.

Anh N, chị Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh N, chị Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C, anh N và chị Tr theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, thấy rằng:

Ngày 26/7/2017, anh N và chị Tr có ký hợp đồng tín dụng số 0421/2017/HĐTD-CN với Công ty vay số tiền 850.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,99%/năm

trong vòng 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi thì áp dụng lãi suất là lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất (tối thiểu 3,7%/năm : 360×365). Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, anh N, chị Tr thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, khế ước nhận nợ. Do đó, anh N, chị Tr phải có trách nhiệm trả nợ gốc và mức lãi suất như hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã thỏa thuận là phù hợp. Vì vậy, Ngân hàng TMCP P yêu cầu trả số tiền gốc 509.672.669 đồng, nợ lãi 10.445.984 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 09/10/2019) là có căn cứ.

Mặt khác, anh N, chị Tr không phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Xét nội dung: Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế, kể cả kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của anh N và chị Tr để thu hồi nợ, đã được pháp luật về thi hành án dân sự quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh N, chị Tr phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 288, 463 và 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.
2. Buộc anh Nguyễn Văn N với chị Ngô Thị Thùy Tr có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền nợ gốc 509.672.669 đồng, nợ lãi 10.445.984 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 09/10/2019), tổng cộng 520.118.653 đồng (Năm trăm hai mươi triệu, một trăm mười tám nghìn, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).
3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 09/10/2019, anh N, chị Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N và chị Ngô Thị Thùy Tr phải chịu 24.804.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P 15.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 16756 ngày 03/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, anh Nguyễn Văn N và chị Ngô Thị Thùy Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức